

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/DS-ST

Ngày: 23-3-2023

V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Hương.

Bà Phan Thị Thảo Sương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Tuấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 23 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đàm Lê Lâm B, sinh năm 1993.

Hộ khẩu thường trú: Số 01/32 thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Tạm trú: Đường tỉnh 826C, ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Đại diện theo uỷ quyền: Chị Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1995 (Có mặt).

Địa chỉ thường trú: Tổ 2, ấp V, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Số 32 C, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy uỷ quyền ngày 21/3/2023).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh P, sinh năm 1989 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Đàm Lê Lâm B trình bày:

Ngày 14/6/2021, anh Nguyễn Thanh P có tên thường gọi là Tính có thoả thuận mua thức ăn và thuốc thuỷ sản để chăn nuôi tôm thẻ chân trắng từ hộ kinh doanh của anh Đàm Lê Lâm B. Đến ngày 24/6/2021, hai bên lập Hợp đồng mua bán thể hiện rõ thoả thuận mua bán giữa hai bên. Theo đó, anh B đã nhiều lần bán thức ăn và thuốc thuỷ sản theo đúng đơn hàng của anh P yêu cầu cầu. Tuy nhiên, anh P không thực hiện việc thanh toán tiền cho anh B như hợp đồng giữa hai bên, Đến ngày 28/12/2021, hai bên đối chiếu công nợ và xác định anh P còn nợ lại anh B số tiền 238.192.000 đồng (*Hai trăm ba mươi tám triệu, một trăm chín mươi hai nghìn đồng*) và kéo dài đến nay chưa thanh toán. Do đó, anh B khởi kiện yêu cầu anh P phải trả cho anh B số tiền nợ gốc là 238.192.000 đồng và lãi suất của số tiền này do chậm thanh toán, với mức lãi suất là 0,83%/tháng, tạm tính từ ngày 29/12/2021 đến ngày 29/6/2022 là 06 tháng, tương đương 11.800.000 đồng (*Mười một triệu, tám trăm nghìn đồng*), thực hiện trả vốn và lãi khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, anh B không có yêu cầu gì khác.

Theo Bản tự khai và quá trình tố tụng, bị đơn anh Nguyễn Thanh P trình bày:

Anh P thống nhất toàn bộ lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của anh B. Anh P thừa nhận còn nợ anh B số tiền 238.192.000 đồng (*Hai trăm ba mươi tám triệu, một trăm chín mươi hai nghìn đồng*) từ việc mua bán thức ăn và thuốc thuỷ sản chăn nuôi tôm. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của anh B, anh P đồng ý trả cho anh B số tiền 238.192.000 đồng nợ gốc, riêng số tiền lãi anh P xin không phải trả do hoàn cảnh anh hiện tại rất khó khăn, đồng thời anh P xin trả dần nợ gốc bằng cách trả mỗi tháng 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) cho đến khi dứt nợ.

Ngoài ra, anh P không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa: Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đồng thời xác định số tiền lãi tính đến ngày xét xử 23/3/2023 là 14 tháng 23 ngày, thành tiền 29.193.604 đồng (*Hai mươi chín triệu, một trăm chín mươi ba nghìn, sáu trăm lẻ bốn đồng*), tổng cộng nợ vốn và lãi anh P phải thanh toán là 267.385.604 đồng (*Hai trăm sáu mươi bảy triệu, ba trăm tám mươi lăm nghìn, sáu trăm lẻ bốn đồng*). Bị đơn anh P vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Thanh P mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh P.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đàm Lê Lâm B:

[3.1] Về khoản nợ gốc: Anh B khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Thanh P trả lại số tiền mua thức ăn và vật tư chăn nuôi tôm là 238.192.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, anh B đã giao nộp Hợp đồng mua bán ngày 24/6/2021 và Bảng đối chiếu xác nhận công nợ ngày 28/12/2021, cả 02 Văn bản này thể hiện thoả thuận mua bán sản phẩm là thức ăn nuôi tôm và thuốc thuỷ sản, đồng thời thể hiện số nợ tính đến ngày 28/12/2021 mà anh P còn nợ lại anh B là 238.192.000 đồng. Mặt khác, anh P thống nhất toàn bộ lời trình bày, yêu cầu của anh B và anh P thừa nhận còn nợ anh B số tiền 238.192.000 đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của anh B là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 430 và Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.2] Về lãi suất chậm trả: Hai bên chốt nợ vào ngày 28/12/2021, tuy nhiên đến nay anh P đã chậm thanh toán nợ cho anh B, do đó anh B yêu cầu anh P ngoài việc thanh toán nợ gốc còn phải chịu khoản lãi chậm trả phát sinh với mức lãi suất 0,83%/tháng của số tiền nợ gốc, tính từ ngày 29/12/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 23/3/2023, tương đương 14 tháng 23 ngày: $238.192.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 14 \text{ tháng } 23 \text{ ngày} = 29.193.604 \text{ đồng}$, là phù hợp với quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Việc anh P xin không phải trả lãi nhưng không được anh B là bên có quyền đồng ý nên ý kiến của anh P không có cơ sở không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về thời hạn thực hiện nghĩa vụ: Anh P xin được trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ nhưng không được anh B đồng ý. Xét việc xác định thời hạn thực hiện nghĩa vụ do các bên tự thoả thuận. Việc anh P chậm thanh toán nợ là ảnh hưởng đến quyền lợi của bên có quyền. Do đó yêu cầu của anh B buộc anh P trả tiền khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của anh B được chấp nhận nên anh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí ông Hùng phải nộp được xác định: $267.385.604 \text{ đồng} \times 5\% = 13.369.280 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 357, 430, 440, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Đàm Lê Lâm B.

Buộc anh Nguyễn Thanh P có nghĩa vụ trả cho anh Đàm Lê Lâm B số tiền 267.385.604 đồng (*Hai trăm sáu mươi bảy triệu, ba trăm tám mươi lăm nghìn, sáu trăm lẻ bốn đồng*), thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền, mức lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí:

Anh Nguyễn Thanh P phải nộp 13.369.280 đồng (*Mười ba triệu, ba trăm sáu mươi chín nghìn, hai trăm tám mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho anh Đàm Lê Lâm B số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.245.000 đồng (*Sáu triệu, hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*), theo biên lai thu số 0008334 ngày 21/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông.

3. Anh B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh P có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phú Đông;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thơm